TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA – TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp Đ, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Phan Tấn P1, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Đ, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

(Bà P có mặt, ông P1 vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị P yêu cầu khởi kiện: Bà P và ông P1 chung sống từ năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An năm 2004. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P1

có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bà P khuyên nhưng ông P1 không nghe mà bỏ nhà ra đi để sống với người phụ nữ đó không cho bà P biết đi đâu làm gì, bỏ mặc mẹ con bà P không quan tâm chăm sóc nên bà P và ông P1 đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Từ ngày ông P1 bỏ đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bà P cùng các con chung của bà P và ông P1 đã nhiều lần về bên gia đình ruột của ông P1 cũng như tìm kiếm nhiều nơi kể cả đăng báo tìm kiếm ông P1 nhưng vẫn không có tin tức gì.

Nay bà P thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà P không còn tình cảm với ông P1, tình cảm gia đình không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Phan Tấn P1.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà P với ông P1 có 02 con chung tên Phan Tấn B, sinh ngày 29/11/1992; giới tính: Nam và Phan Tấn T, sinh ngày 03/02/2001; giới tính: Nam. Tất cả các con chung hiện nay đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu giải quyết

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị P xác định giữa bà P và ông Phan Tấn P1 không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Tấn P1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ cho ông P1 các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông P1 không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, đồng thời ông P1 cũng không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án, do đó Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông P1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà P và vụ án không tiến hành hòa giải được.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị P cung cấp:

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Trần Thị P với ông Phan Tấn P (bản chính); Bản sao giấy khai sinh của Phan Tấn T và Phan Tấn B (bản sao); Bản tự khai ngày 29/7/2020 của bà P; Các bản tự khai của Phan Tấn T và Phan Tấn B ngày 20/7/2020.

Tài liệu, chứng cứ do ông Phan Tấn P1 cung cấp: Không có.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

Các tình tiết vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Phan Tấn P1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật.

- Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà P yêu cầu ly hôn ông P1: Theo bà P trình bày là do ông P1 vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài, khi bà P phát hiện thì bỏ nhà đi theo người phụ nữ đó, không cho bà P biết đi đâu làm gì, bỏ mặc bà P và các con không quan tâm chăm sóc.

- Về con chung: Bà P và ông P1 có 02 con chung tên Phan Tấn B, sinh ngày 29/11/1992; giới tính: Nam và Phan Tấn T, sinh ngày 03/02/2001; giới tính: Nam. Tất cả các con chung hiện nay đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông P1 đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông P1 không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phỉ, đồng thời ông P1 cũng không hợp tác và không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Phan Tấn P1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An vào năm 2004, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phan Tấn P1 có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã TĐ, huyện TH tỉnh Long An, tuy nhiên tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông P1 không có mặt tại nơi cư trú. Theo lời bà P1 trình bày thì vào năm 2010 sau khi bà P phát hiện ông P1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở

bên ngoài, ông P1 đã bỏ đi khỏi nơi cứ trú và giấu không cho bà P biết nơi cư trú mới (không cho biết đi đâu làm gì và ở đâu). Việc ông P1 bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc ông P1 không thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trước khi đi, ông P1 cư trú và có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã TĐ, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An và không có nơi cư trú nào khác nên đây được xác định là nơi cư trú cuối cùng. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông P1, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Phan Tấn P1: Do ông P1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P1.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phỉ:

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Phan Tấn P1 không hợp tác; không cung cấp ý kiến, lời khai; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến, yêu cầu khởi kiện; tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp để làm căn cứ xét xử vụ án.

[4.1] Về tình tiết mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Nguyên nhân chính làm đời sống hôn nhân của vợ chồng bà Phỉ không hạnh phúc dẫn đến bà P yêu cầu ly hôn với ông P1 theo bà P trình bày là do ông P1 không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Khi bà P phát hiện thì ông P1 đã bỏ nhà đi không cho bà P biết đi đâu, làm gì, ở đâu, bỏ mặc bà P một mình nuôi hai con, không quan tâm chăm sóc. Vì thương các con bà P đã tìm kiếm nhiều lần và nhiều nơi, bà P cùng các con của bà về bên gia đình ruột của ông P1 để tìm kiếm hỏi thăm thông tin nhưng gia đình của ông P1 cũng không có tin tức và cũng không liên lạc với ông P1. Sau nhiều năm tìm kiếm nhưng không có tin tức, bà P đã đăng thông báo tìm kiếm trên Báo Công Lý nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay các con của bà P và ông P1 đã trưởng thành, bà P thấy không còn tình cảm với ông P1

nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông P1. Qua lời trình bày của bà P trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa hôm nay, kết hợp với lời trình bày của các con chung của bà P và ông P1 là Phan Tấn T và Phan Tấn B cùng với các Thông báo tìm kiếm trên Báo Công Lý 03 số 87, 88, 89 năm 2018 cho thấy mâu thuẫn mà bà P yêu cầu ly hôn với ông P1 là đúng như lời bà P trình bày. Vì sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành thông báo cho ông P1 biết về yêu cầu khởi kiện của bà P, đồng thời, triệu tập ông P1 đến để hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng ông, nhưng ông P1 không đến Tòa để tham gia hòa giải và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P1 và cũng không đến để giải quyết vụ án theo lịch triệu tập có nghĩa là ông Phong thừa nhận những gì bà P trình bày là đúng.

[4.2] Về thời gian ly thân, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích và tính chất mâu thuẫn trong hôn nhân: Bà P và ông P1 đã ly thân nhau trong thời gian dài từ năm 2010 cho đến nay hai bên không hàn gắn lại được, ông P1 đã bỏ nhà đi, không cho bà P và các con biết nơi cư trú mới, không có liên lạc gì với mẹ con bà P, bỏ mặc bà P và các con không quan tâm, cả hai bên đều có cuộc sống riêng của mình, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, bỏ mặc nhau muốn sống sao thì sống nên khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ là không còn. Qua khả năng hàn gắn tình cảm cho thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông P1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân làm cho hôn nhân của vợ chồng bà P và ông P1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được là do ông P1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng (ông P1 không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài, sau đó bỏ nhà ra đi bỏ mặc vợ con không quan tâm chăm sóc) nên yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận, cần giải quyết cho bà P được ly hôn với ông P1 là hợp lý theo quy định của khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà P với ông P1 có 02 con chung tên Phan Tấn B, sinh ngày 29/11/1992; giới tính: Nam và Phan Tấn T, sinh ngày 03/02/2001; giới tính: Nam. Tất cả các con chung hiện nay đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng theo giấy khai sinh của các con chung của bà P và ông P1 do bà P cung cấp kết hợp với lời khai của bà P. Hội đồng xét xử thấy rằng, các con chung của bà P và ông P1 đã thành niên,

không có người nào bị mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng tự lao động để nuôi sống mình. Khi ly hôn bà P không yêu cầu giải quyết, ông P1 vắng mặt không có văn bản thể hiện ý kiến hay yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị P xác định giữa bà P và ông P1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P1 vắng mặt và không có ý kiến gì nên xem như không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì, do đó Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị P đối với ông Phan Tấn P1.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Phan Tấn P1.

- Về con chung: Các con chung của bà P và ông P1 đã thành niên, không có người nào bị mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng tự lao động để nuôi sống mình. Khi ly hôn bà P không yêu cầu giải quyết, ông P1 vắng mặt không có văn bản thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị P xác định giữa bà P và ông P1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P1 vắng mặt và không có ý kiến gì nên xem như không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì, do đó Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí: Bà Trần Thị P phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 0003351 ngày 25/6/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang án phí để thi hành.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà Trần Thị P có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Tấn P1 vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Đình Ngân